

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN MAI PHƯƠNG*

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế đã trở thành nền tảng tư tưởng quan trọng để Đảng, Nhà nước Việt Nam xây dựng đường lối, chính sách hợp tác kinh tế quốc tế. Bài viết nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế ở Việt Nam hiện nay, với những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Hợp tác kinh tế quốc tế; tư tưởng Hồ Chí Minh; Việt Nam.

Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam, Người đã để lại cho Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam hệ thống tư tưởng vô giá, trong đó có tư tưởng về hợp tác kinh tế quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế đã trở thành nền tảng kim chỉ nam soi đường cho Đảng, Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách về hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với thực tiễn đất nước, thích ứng với những biến đổi của quốc tế, mang lại những thành quả to lớn cho đất nước trong phát triển kinh tế.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế

Trên hành trình ra đi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy để đưa đất nước phát triển cần phải mở rộng thông thương, hợp tác với các nước bên ngoài, xây dựng một nền kinh tế mở. Chỉ có như vậy mới nhanh chóng khắc phục được những hạn chế trong nền kinh tế, khai thác tốt những tiềm lực, lợi thế sẵn có. Từ cách nhìn đúng đắn đó, trong quá trình lãnh đạo đất nước, Người luôn chủ

trương đặt Việt Nam trong mối liên hệ với thế giới. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Việt Nam sẽ giao dịch với tất cả các nước nào trên thế giới muốn giao dịch với Việt Nam một cách thật thà”¹.

Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh: “... Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”².

Xuất phát từ quan điểm “Việt Nam sẵn sàng quan hệ ngoại giao và thương mại với tất cả các nước”, Người đã đề ra chính sách hợp tác cụ thể đối với từng quốc gia trên thế giới

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 6, tr.46.

² Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 4, tr.523.

* Đại học Ngoại thương.

và trong khu vực, trong đó đặc biệt nhấn mạnh quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

Đối với Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến sự cần thiết phải mở rộng hợp tác với Liên Xô: “Sức mua của khối dân chủ nhân dân rất lớn. Buôn bán với khối dân chủ có thể dùng lối lấy hàng đổi hàng. Thấy rõ lợi ích buôn bán với Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, nhiều chính phủ tư bản và nhiều giới kinh doanh phương Tây bắt chấp sự ngăn cấm của đế quốc Mỹ đã ký nhiều hiệp ước và hợp đồng thương mại với Liên Xô và khối dân chủ nhân dân”³.

Đối với các nước láng giềng, Người chú trọng xây dựng tình hữu nghị, hợp tác toàn diện, trong *Lời kêu gọi Liên Hợp quốc*, Người viết: “Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền”⁴. Đây là quan điểm có ý nghĩa chiến lược thể hiện tầm nhìn vượt thời đại của Hồ Chí Minh, có giá trị lớn đối với cách mạng Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Bên cạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng mở rộng quan hệ kinh tế với những nước phương Tây. Điều đó được khẳng định khi Người trả lời phóng viên người Anh, R.Xenxô của báo *Tin nhanh hằng ngày* vào ngày 26/4/1956 về việc liệu Việt Nam có định hướng mở rộng quan hệ ngoại giao và nhất là thương mại đối với phương Tây không? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời nhất quán với các chủ trương đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chúng tôi sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao và

thương mại với tất cả các nước”⁵. Một trong những nước phương Tây mà Hồ Chí Minh đặc biệt muốn mở rộng hợp tác đó là nước Pháp, Người khẳng định: “Đối với nước Pháp, chúng tôi tiếp tục chủ trương rằng trong những điều kiện bình đẳng tuyệt đối và cùng có lợi, trước hết là tin cậy lẫn nhau và hợp tác thẳng thắn, chúng tôi có thể thiết lập những quan hệ đặc biệt về kinh tế và văn hóa với nước Pháp”⁶.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng sớm nhận thấy vai trò của Hoa Kỳ trong nền kinh tế thế giới, theo Người, Hoa Kỳ là một nước lớn, kỹ thuật của họ cao hơn của nước ta, vì vậy họ có thể giúp ta. Ngược lại, Việt Nam cũng có những cái có thể giúp Hoa Kỳ. Trong những cuộc tiếp xúc, giao thiệp với chính giới Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh luôn bày tỏ mong muốn tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ, trong đó nhấn mạnh hợp tác về kinh tế. Ngày 16/2/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đường lối đối ngoại và thiện chí của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong *Thư gửi Tổng thống Hợp chúng quốc Hoa Kỳ*: “mục tiêu của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để làm cho nền độc lập và sự hợp tác này trở lên có lợi cho toàn thế giới”⁷.

Đối với Nhật Bản, một nước châu Á “đồng chủng, đồng văn”, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận từ rất sớm sự cần thiết hợp tác giữa hai dân tộc. Người khẳng định: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng buôn bán với Nhật Bản cũng như với các nước khác, trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi”⁸.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 10, tr.317.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 10, tr.114.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 4, tr.204.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 10, tr.364.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 9, tr.119-120.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 4, tr.523.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế là một nội dung quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người. Tư tưởng đó bắt nguồn từ tư duy mang tầm chiến lược, vượt thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi luôn đặt Việt Nam trong dòng chảy phát triển chung cùng với các quốc gia trên thế giới. Tư tưởng của Người đã trở thành nền tảng định hướng quan trọng để Đảng, Nhà nước Việt Nam xây dựng, phát triển và hoàn thiện chủ trương về hợp tác kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

2.1. Sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế đã trở thành nội dung quan trọng được Đảng, Nhà nước kế thừa và phát triển. Ngay khi bắt đầu công cuộc đổi mới đất nước, Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra chủ trương: “tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác”⁹. Đây chính là chủ trương quan trọng của Đảng để thúc đẩy mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế với các quốc gia và tổ chức kinh tế trên thế giới trong giai đoạn mới, qua đó sẽ tranh thủ được những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế đất nước.

Kế thừa những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đại hội Đảng lần thứ VI, đến Đại hội Đảng lần thứ VII, chủ

trương về hợp tác kinh tế quốc tế được củng cố, phát triển, với nội dung: hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”¹⁰.

Tiếp đó, Đại hội Đảng lần thứ VIII đã hoàn chỉnh và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương về hợp tác kinh tế quốc tế của Đại hội VII, lần đầu tiên cụm từ “hội nhập” được đề cập đến trong văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ VIII, với chủ trương: “Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại”¹¹. Chủ trương trên đã thể hiện sự nhạy bén trong tư duy lãnh đạo của Đảng khi “thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế” sẽ đưa nền kinh tế của nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Đến Đại hội lần thứ IX Đảng đề ra chủ trương: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc dân tộc, bảo vệ môi trường.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 27/11/2001, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW Về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết nhấn mạnh: Hội nhập kinh tế là sự nghiệp của toàn dân; hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội vừa không ít thách thức; phải nhận thức đầy đủ đặc điểm nền kinh tế nước ta, từ đó đề ra kế hoạch và lộ trình hợp lý, vừa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Sđd*, tr.88.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.84.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.99.

vừa đáp ứng quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta tham gia.

Tới Đại hội Đảng lần thứ X, chủ trương hợp tác kinh tế quốc tế đã được Đảng điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với những biến động của tình hình thế giới, với nội dung: “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”¹². Tiếp nối chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ X, Đại hội Đảng lần thứ XI đã đề ra chủ trương “tích cực và chủ động hội nhập quốc tế”¹³. Bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ XI cụm từ “hội nhập kinh tế quốc tế” của các kỳ đại hội trước được Đảng chuyển thành “hội nhập quốc tế”. Đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy lãnh đạo của Đảng. Để làm rõ hơn chủ trương của Đảng về hội nhập quốc tế, ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW *Về hội nhập quốc tế*. Nghị quyết đã xác định rõ: “Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế”¹⁴. Như vậy, hội nhập kinh tế quốc tế được Đảng xác định là trọng tâm, là yếu tố quan trọng để đưa nền Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Trên tinh thần kế thừa quan điểm của các đại hội về hội nhập kinh tế quốc tế, Đại hội Đảng lần thứ XII đã đề ra chủ trương: “Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường,

một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ”¹⁵.

Năm 2020, trước những biến động của tình hình kinh tế trong khu vực và trên thế giới cùng với sự tác động của dịch bệnh Covid-19 trên quy mô toàn cầu, kinh tế thế giới bị suy thoái nặng nề, thương mại toàn cầu sụt giảm nghiêm trọng, hầu hết các trung tâm kinh tế đều tăng trưởng âm. Trước bối cảnh đó, chủ trương về hợp tác kinh tế quốc tế được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII: “Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài”¹⁶. Chủ trương trên cho thấy sự linh hoạt, kịp thời trong tư duy lãnh đạo của Đảng trong việc nắm bắt những thay đổi của tình hình quốc tế để từ đó đề ra chủ trương phù hợp về hợp tác kinh tế quốc tế với bước đi, lộ trình thích hợp.

Có thể nói, trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tế trong nước và thế giới để đề ra chủ trương, đường lối hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Thời gian và thực tiễn đã chứng minh đường lối hợp tác kinh tế quốc tế đó là đúng đắn, với những kết quả đạt được hết sức to lớn.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.123.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.322.

¹⁴ Bộ Chính trị (2013), *Nghị quyết số 22-NQ/TW về Hội nhập quốc tế*, tr.4.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.111.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr.135.

2.2. Một số thành tựu và hạn chế qua 35 năm đổi mới, thực hiện hợp tác kinh tế quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh

* Về hợp tác kinh tế song phương và đa phương

- Về hợp tác song phương: Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước và 70 vùng lãnh thổ, mở rộng quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hóa tới trên 230 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ, ký kết trên 90 Hiệp định thương mại song phương, gần 60 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư.

- Về hợp tác đa phương: Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN và tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Tháng 3/1996, Việt Nam là thành viên sáng lập diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEAN). Đặc biệt, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào ngày 11 tháng 01 năm 2007 sau 11 năm đàm phán. Đây là sự kiện quan trọng đánh dấu một mốc mới trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

* Về thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam ngày càng tăng cả về dự án, vốn, quốc gia và vùng lãnh thổ. Giai đoạn 2001 - 2009, nguồn vốn FDI đầu tư vào Việt Nam với vốn đăng ký gần 149 tỷ USD, vốn thực hiện là trên 47,4 tỷ USD. Giai đoạn 2010 - 2019, nguồn vốn FDI vào Việt Nam tăng về số lượng dự án, số vốn đăng ký và số vốn thực hiện. Năm 2020, nguồn vốn FDI đăng ký 19,8 tỷ USD, vốn thực hiện 11 tỷ USD¹⁷.

* Về hoạt động thương mại quốc tế

- Về xuất khẩu: Hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng mở rộng đã thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng lên hàng năm.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu là 17,5%. Giai đoạn 2006 - 2010, tăng trưởng xuất khẩu trung bình là 21%, cao hơn nhiều so với giai đoạn trước đó. Giai đoạn từ 2011 - 2018, xuất khẩu tăng gấp 2,51 lần (từ 96,91 tỷ USD năm 2011 lên 243,48 tỷ USD vào năm 2018). Năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2018¹⁸.

- Về nhập khẩu: Quy mô nền kinh tế càng lớn thì nhu cầu nhập khẩu càng gia tăng. Nếu năm 1992, kim ngạch nhập khẩu chỉ có 2,5 tỷ USD thì đến năm 2012, kim ngạch nhập khẩu đã tăng lên đến 113,7 tỷ USD. Năm 2019, kim ngạch nhập khẩu đạt 253,07 tỷ USD¹⁹.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình hợp tác kinh tế quốc tế ở nước ta cũng còn tồn tại một số hạn chế như: Hợp tác kinh tế quốc tế nhìn chung thể hiện chủ yếu trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chưa thật sự trở thành quyết tâm hành động mạnh mẽ của tất cả các cấp, các ngành và doanh nghiệp; Sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp, sản phẩm của Việt Nam còn yếu so với các nước; Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu hợp tác và quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh.

3. Một số khuyến nghị góp phần nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới

Thứ nhất, cần tiếp tục quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế. Việt Nam cần tích cực, chủ động hơn nữa trong hợp tác kinh tế quốc tế với các quốc gia, tổ

¹⁷ Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong giai đoạn hậu đại dịch covid 19, <http://tapchi.nganhang.gov.vn>

¹⁸ Tổng cục Hải quan (2019), Báo cáo về tình hình xuất nhập khẩu.

¹⁹ Tổng cục Hải quan (2019), *Tlđđ*.

chức kinh tế trên thế giới trên cơ sở đảm bảo lợi ích chính đáng của dân tộc.

Thứ hai, cần tạo dựng được sự thống nhất và đồng thuận lớn hơn trong nhận thức về hợp tác kinh tế quốc tế. Tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân về vai trò, tầm quan trọng của hợp tác kinh tế quốc tế, về các cơ hội và thách thức, về phương hướng, nhiệm vụ trọng yếu của hợp tác kinh tế quốc tế.

Thứ ba, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trên cả 3 cấp độ: nhà nước, doanh nghiệp và ngành hàng. Đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, công nghệ vật liệu mới, các ngành công nghiệp phụ trợ,... để tạo ra cơ hội hợp tác kinh tế quốc tế.

Thứ tư, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan trực tiếp đến hợp tác kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường và các cam kết của hội nhập kinh tế quốc tế để tranh thủ được thời cơ thuận lợi, vượt qua thách thức từ việc tham gia và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Thứ năm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực hợp tác kinh tế quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhiều lần nhấn mạnh: Cán bộ là gốc của mọi công việc, muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Cho nên vấn đề đầu tư cho công tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là đào tạo đội ngũ cán bộ chất lượng cao, vừa có đức, vừa có tài là vấn đề phải được hết sức chú trọng.

Kết luận

Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng về hợp tác kinh tế quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế trở thành nền tảng lý luận quan trọng để Đảng, Nhà nước hoàn thiện đường lối hợp tác kinh tế quốc tế. Nhờ đó, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong hợp tác kinh tế quốc tế và trở thành mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu; uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập: 4, 6, 8, 10.